

BỘ NGOẠI GIAO

Số: 55/2004/LPQT

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2004

Nghị định thư bổ sung Hiệp định hợp tác nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa có hiệu lực từ ngày 30 tháng 6 năm 2004.

(kèm theo “Quy định về bảo tồn và quản lý nguồn lợi thủy sản trong vùng đánh cá chung Vịnh Bắc Bộ”)./.

TL. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO

KT. VỤ TRƯỞNG VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

*Phó Vụ trưởng***Nguyễn Hoàng Anh**

NGHỊ ĐỊNH THƯ bổ sung Hiệp định Hợp tác nghề cá Vịnh Bắc Bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (dưới đây gọi tắt là “hai Bên ký kết”), căn cứ quy định tại Điều 11 “Hiệp định hợp tác nghề cá Vịnh Bắc Bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (dưới đây gọi tắt là “Hiệp định hợp tác nghề cá”) ký ngày 25 tháng 12 năm 2000, qua hiệp thương hữu nghị đã thỏa thuận về dàn xếp quá độ như sau:

Điều 1.

1. Nghị định thư bổ sung này được áp dụng cho một phần Vùng đặc quyền kinh tế của mỗi nước ở phía Bắc Vùng đánh cá chung gọi là “Vùng nước dàn xếp quá độ”.

2. Phạm vi Vùng nước dàn xếp quá độ trong Vịnh Bắc Bộ là vùng nước được giới hạn bằng các đoạn thẳng nối các điểm ở phía Bắc vĩ tuyến 20° Bắc theo thứ tự dưới đây, nhưng giữa hai điểm K, L

được nối bằng cung tròn có tâm là đèn biển đảo Bạch Long Vỹ (20°08'00" Bắc; 107°43'40" Đông) và bán kính 15 hải lý.

Điểm	Vĩ độ Bắc	Kinh độ Đông
A (6)	20°00'00"	108°42'32"
B	20°04'25"	108°48'15"
C	20°37'30"	108°41'30"
D	20°49'40"	108°34'10"
E	20°54'00"	108°16'25"
F	20°43'20"	108°01'40"
G	20°25'35"	107°37'40"
H	20°19'25"	107°23'00"
I	20°09'30"	107°07'41"
J (11)	20°00'00"	107°07'41"
K	20°00'00"	107°30'00"
L	20°00'00"	107°57'00"
A (6)	20°00'00"	108°42'32"

Các tọa độ trên được xác định trên tổng đồ toàn diện Vịnh Bắc Bộ được đính kèm theo Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ.

Điều 2. Hai Bên ký kết đạt được thỏa thuận về số lượng tàu cá vào đánh bắt trong Vùng nước dàn xếp quá độ như sau:

Trong năm đầu tiên sau khi Hiệp định hợp tác nghề cá có hiệu lực, số lượng tàu cá Trung Quốc vào Vùng nước dàn xếp quá độ phía Tây đường phân định Vịnh

Bắc Bộ là 920 tàu; tỷ lệ tàu lưới kéo không vượt quá 35%, số tàu của các nghề khác do phía Trung Quốc tự điều chỉnh nhưng phải tuân thủ pháp luật hữu quan của Việt Nam; phạm vi công suất máy chính từ 20 - 200CV/tàu; công suất bình quân là 85CV/tàu, tổng công suất máy tàu của phía Trung Quốc được phép vào đánh bắt là 78.200CV.

Số tàu kể trên được cắt giảm hàng năm là 25%, tương đương 230 tàu với tổng công suất 19.550CV và tỷ lệ tàu lưới kéo không vượt quá 35% số tàu còn lại. Sau 4 năm tàu cá Trung Quốc sẽ rút hết khỏi Vùng nước dàn xếp quá độ phía Tây đường phân định Vịnh Bắc Bộ.

Số lượng tàu, tổng công suất máy tàu của Việt Nam vào Vùng nước dàn xếp quá độ phía Đông đường phân định Vịnh Bắc Bộ tương đương với số lượng tàu, tổng công suất máy tàu của Trung Quốc vào Vùng nước dàn xếp quá độ phía Tây đường phân định Vịnh Bắc Bộ và cắt giảm theo tỷ lệ tương đương.

Điều 3.

1. Hai Bên ký kết tiến hành quản lý đối với tàu cá hoạt động nghề cá trong Vùng nước dàn xếp quá độ thuộc vùng biển của mình.

2. Căn cứ vào thỏa thuận giữa hai Bên

ký kết và căn cứ vào thông báo về danh sách tàu xin phép đánh bắt của Bên ký kết kia, hàng năm, cơ quan có thẩm quyền của mỗi Bên ký kết cấp giấy phép đánh bắt trong Vùng nước dàn xếp quá độ thuộc vùng biển của mình cho công dân và tàu cá của Bên ký kết kia với hình thức đơn giản và thuận tiện. Thông báo về danh sách tàu xin phép đánh bắt cần bao gồm tên tàu, số hiệu tàu, họ tên chủ tàu, thuyền trưởng, trọng tải của tàu, công suất máy chính và nghề đánh bắt. Tàu cá được cấp phép phải nộp phí cấp phép, đánh bắt (trị giá 200 đô la Mỹ/tàu/năm).

3. Tàu cá của hai Bên ký kết đã được cấp phép khi vào hoạt động nghề cá trong Vùng nước dàn xếp quá độ phải có dấu hiệu nhận biết theo quy định của Ủy ban liên hợp nghề cá Vịnh Bắc Bộ Việt Trung. Hai Bên ký kết có nghĩa vụ hướng dẫn ngư dân nước mình ghi chính xác nhật ký đánh bắt theo mẫu thống nhất của Ủy ban liên hợp nghề cá Vịnh Bắc Bộ, khi thực sự cần thiết phải xuất trình cho lực lượng kiểm tra, kiểm soát trên biển của nước ven biển. Hai Bên ký kết phải thông báo kịp thời cho Bên ký kết kia tình hình ngư dân của Bên ký kết kia chưa ghi nhật ký đánh bắt theo yêu cầu, nhưng không được xử phạt với lý do chưa ghi nhật ký.

4. Mỗi Bên ký kết cần phải áp dụng biện pháp cần thiết để bảo đảm việc công dân và tàu cá của nước mình đã được cấp phép khi tiến hành hoạt động nghề cá trong Vùng nước dàn xếp quá độ của Bên ký kết kia, tuân thủ những quy định của Nghị định thư bổ sung này, của luật pháp, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan của Bên ký kết kia, đặc biệt là những quy định về hoạt động nghề cá, biện pháp bảo tồn tài nguyên sinh vật biển và quy định về bảo vệ môi trường biển.

5. Hai Bên ký kết cần kịp thời thông báo cho nhau những luật và những văn bản quy phạm pháp luật liên quan trong nước của mình được nêu tại điều này, bao gồm tình hình ban hành, sửa đổi và hủy bỏ những luật và những văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

Điều 4.

1. Hai Bên ký kết có nghĩa vụ giáo dục và đào tạo ngư dân nước mình khi vào hoạt động nghề cá trong Vùng nước dàn xếp quá độ.

2. Mỗi Bên ký kết có quyền xử phạt theo luật pháp nước mình những tàu cá chưa được cấp phép mà vào hoạt động ở Vùng nước dàn xếp quá độ thuộc vùng biển của mình. Đối với những tàu cá đã được cấp phép vào Vùng nước dàn xếp

quá độ nhưng có hoạt động vi phạm những quy định về hoạt động nghề cá thì áp dụng các hình thức xử phạt theo Điều 20 Quy định quản lý, bảo tồn nguồn lợi Vùng đánh cá chung Vịnh Bắc Bộ.

3. Khi cơ quan có thẩm quyền của một Bên ký kết căn cứ vào những quy định của Nghị định thư bổ sung này để tiến hành xử phạt cần thông báo nhanh chóng cho cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết kia tình hình liên quan và kết quả xử lý. Các tàu cá và thuyền viên bị bắt giữ cần phải được phóng thích nhanh chóng sau khi có giấy cam kết hoặc những bảo đảm khác thích đáng.

4. Cơ quan có thẩm quyền của mỗi Bên ký kết cần tạo thuận lợi cho những tàu cá đã được cấp phép của Bên ký kết kia được vào Vùng nước dàn xếp quá độ thuộc vùng biển của mình. Cơ quan có thẩm quyền của mỗi Bên ký kết không được lạm dụng chức quyền, gây trở ngại cho những công dân và tàu cá đã được cấp phép của Bên ký kết kia tiến hành hoạt động nghề cá bình thường trong Vùng nước dàn xếp quá độ thuộc vùng biển của mình.

Điều 5.

1. Để thực hiện Nghị định thư bổ sung này, Ủy ban liên hợp nghề cá có chức trách như sau:

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684 * 673991
LawSoft

1.1. Hiệp thương những vấn đề liên quan đến bảo tồn và khai thác bền vững nguồn lợi thủy sản trong Vùng nước dần xếp quá độ, đồng thời đề xuất kiến nghị với Chính phủ hai nước.

1.2. Hiệp thương xử lý tranh chấp liên quan đến hoạt động nghề cá xảy ra trong Vùng nước dần xếp quá độ được hai Bên ký kết giao cho.

1.3. Tiến hành đánh giá tình hình thực hiện Nghị định thư bổ sung này và báo cáo Chính phủ hai nước.

1.4. Tiến hành hiệp thương những công việc khác mà hai Bên ký kết cùng quan tâm.

2. Tất cả mọi kiến nghị và quyết định của Ủy ban liên hợp nghề cá đều phải được sự nhất trí của đại diện hai Bên ký kết.

Điều 6. Tất cả những tranh chấp phát sinh giữa hai Bên ký kết về việc giải thích hoặc áp dụng Nghị định thư bổ sung này cần giải quyết thông qua hiệp thương hữu nghị.

Điều 7.

1. Nghị định thư bổ sung này là một bộ phận không thể tách rời của Hiệp định hợp tác nghề cá.

2. Nghị định thư bổ sung này có thể

được bổ sung và sửa đổi khi có sự đồng ý của hai Bên ký kết.

Điều 8.

1. Sau khi hai Bên ký kết hoàn thành các thủ tục pháp luật của mỗi nước, Nghị định thư bổ sung này sẽ có hiệu lực kể từ ngày Hiệp định hợp tác nghề cá có hiệu lực.

2. Thời hạn hiệu lực của Nghị định thư bổ sung này là 4 năm.

Nghị định thư bổ sung này được ký tại Bắc Kinh ngày 29 tháng 4 năm 2004, thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Trung, cả hai văn bản đều có giá trị như nhau./.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Thủ trưởng Bộ Thủy sản

Nguyễn Ngọc Hồng

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG
HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

Thủ trưởng Bộ Nông nghiệp

Tê Cảnh Phát

QUY ĐỊNH về bảo tồn và quản lý nguồn lợi thủy sản trong Vùng đánh cá chung Vịnh Bắc Bộ.

Căn cứ Hiệp định hợp tác nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký tại Bắc Kinh ngày 25 tháng 12 năm 2000 (dưới đây gọi tắt là “Hiệp định”); để bảo tồn, quản lý và khai thác bền vững nguồn lợi thủy sản trong Vùng đánh cá chung Vịnh Bắc Bộ (dưới đây gọi tắt là “Vùng đánh cá chung”), giữ gìn an ninh và trật tự hoạt động đánh bắt trong Vùng đánh cá chung, Ủy ban liên hợp nghề cá Vịnh Bắc Bộ Việt - Trung (dưới đây gọi tắt là “Ủy ban liên hợp nghề cá”) ban hành bản Quy định này.

Điều 1. Bất kỳ người và tàu cá nào vào hoạt động đánh bắt trong Vùng đánh cá chung phải có Giấy phép đánh bắt thủy sản trong Vùng đánh cá chung (dưới đây gọi tắt là “Giấy phép”), phải tuân thủ Quy định này và các quy định liên quan của Hiệp định.

Điều 2. Cơ quan chủ quản thực hiện Quy định này của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa

nhân dân Trung Hoa (sau đây gọi tắt là “hai Bên”) lần lượt là Bộ Thủy sản nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Nông nghiệp nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (sau đây gọi tắt là “Cơ quan chủ quản”).

Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản Bộ Thủy sản nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cục Quản lý giám sát ngư chính ngư cảnh khu Nam Hải nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (sau đây gọi tắt là “Cơ quan thực thi”) chịu trách nhiệm tổ chức phối hợp thực hiện cụ thể Quy định này.

Thanh tra bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Hải quân, Cảnh sát biển, Bộ đội biên phòng của phía Việt Nam và cơ quan Quản lý giám sát ngư chính ngư cảnh, Công an biên phòng, Bộ đội hải quân của phía Trung Quốc (sau đây gọi tắt là “Cơ quan giám sát”) chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra các hoạt động nghề cá trong Vùng đánh cá chung và tiến hành xử lý các hoạt động đánh bắt trái quy định. Cơ quan làm đầu mối phối hợp liên lạc của phía Việt Nam là Cảnh sát biển, của phía Trung Quốc là cơ quan Quản lý giám sát ngư chính ngư cảnh.

Điều 3. Cơ quan thực thi của hai bên căn cứ vào số lượng tàu cá hoạt động trong Vùng đánh cá chung do Ủy ban

067341

liên hợp nghề cá xác định hàng năm, cấp Giấy phép cho tàu cá nước mình.

Hai Bên trao cho nhau số lượng tem chống làm giả phù hợp với số lượng tàu cá đã thống nhất. Khi cấp Giấy phép, Bên cấp phép phải dán tem chống làm giả do Bên kia trao vào vị trí quy định.

Giấy phép phải bao gồm những nội dung chính như sau: tên và số hiệu tàu cá, cảng đăng ký, quốc tịch tàu, số đăng ký tàu, nghề khai thác, tổng trọng lượng tàu (gồm trọng lượng tàu và trọng tải tàu), công suất máy chính, họ tên thuyền trưởng và họ tên địa chỉ của chủ sở hữu tàu cá.

Giấy phép có giá trị 1 năm kể từ ngày ký cấp.

Mẫu Giấy phép do Ủy ban liên hợp nghề cá quy định tại Phụ lục 1.

Điều 4. Cơ quan thực thi của hai bên phải lập và trao đổi cho nhau Sổ danh sách tàu cá của bên mình được nhận Giấy phép hàng năm, thời gian và phương thức cụ thể do Ủy ban liên hợp nghề cá quyết định trong phiên họp xác định số lượng tàu cá của mỗi bên được vào hoạt động đánh bắt trong Vùng đánh cá chung hàng năm.

Sổ danh sách tàu cá phải bao gồm những nội dung sau đây: tên và số hiệu

tàu, nghề khai thác, tổng trọng lượng tàu (gồm trọng lượng tàu và trọng tải tàu), công suất máy chính, số đăng ký tàu và số Giấy phép được cấp.

Điều 5. Người và tàu cá được cấp phép khi hoạt động đánh bắt trong Vùng đánh cá chung phải mang theo tàu Giấy phép, Giấy đăng ký tàu cá, giấy tờ tùy thân của người trên tàu cá và tiến hành hoạt động đánh bắt theo nội dung ghi trong Giấy phép.

Tàu cá phải treo Quốc kỳ của nước mình và phải có dấu hiệu nhận biết theo quy định của Ủy ban liên hợp nghề cá. Cách thức cụ thể về làm dấu hiệu nhận biết được quy định tại Phụ lục 2.

Điều 6. Tàu cá được cấp phép khi hoạt động đánh bắt trong Vùng đánh cá chung phải ghi Nhật ký đánh bắt trong Vùng đánh cá chung (dưới đây gọi tắt là “Nhật ký đánh bắt”) theo mẫu quy định của Ủy ban liên hợp nghề cá (Phụ lục 3). Nhật ký đánh bắt hàng năm phải nộp cho Cơ quan thực thi của nước mình.

Điều 7. Thực hiện quy chế tạm ngừng khai thác trong Vùng đánh cá chung. Nội dung và biện pháp cụ thể của quy chế đó do Ủy ban liên hợp nghề cá quy định.

Điều 8. Cấm đánh bắt thủy sản bằng

các phương pháp như dùng chất nổ, chất độc, xung điện và các loại ngư cụ, phương thức khai thác bị cấm sử dụng do Ủy ban liên hợp nghề cá quy định.

Điều 9. Cấm đánh bắt các loài sinh vật hoang dã quý hiếm dưới nước có nguy cơ bị tuyệt chủng sau: cá voi, cá heo, bò biển, rùa biển và san hô.

Trong khi hoạt động đánh bắt bình thường, nếu vô ý bắt phải các sinh vật nêu trên phải lập tức thả ngay xuống biển.

Điều 10. Hai Bên phải sử dụng các biện pháp chống ô nhiễm, bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái Vùng đánh cá chung.

Điều 11. Tàu cá đang đánh bắt hoặc đang di chuyển phải tuân thủ quy tắc tránh va giữa các tàu cá, không được làm ảnh hưởng hoạt động đánh bắt bình thường của các tàu cá khác.

Khi xảy ra tranh chấp hoặc sự cố gây tổn thất trên biển giữa tàu cá của hai bên, thuyền trưởng hai bên phải hiệp thương giải quyết, cấm dùng hành vi bất hợp pháp như đánh, bắt giữ người, đập phá, cướp tài sản hoặc phá hoại tàu. Trong trường hợp không giải quyết được tại chỗ, thuyền trưởng đương sự của hai bên phải điền vào “Giấy xác nhận sự

cố trong Vùng đánh cá chung” theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 và nộp cho Cơ quan thực thi của nước mình. Cơ quan thực thi hai bên sẽ phối hợp giải quyết hoặc chuyển cho Ủy ban liên hợp nghề cá giải quyết.

Điều 12. Nhân viên công vụ của Cơ quan giám sát mỗi bên thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát đối với người và tàu cá của hai Bên trong Vùng đánh cá chung thuộc vùng nước Bên mình.

Khi tiến hành kiểm tra, kiểm soát, nhân viên công vụ của Cơ quan giám sát mỗi bên phải mang sắc phục, phù hiệu và biển hiệu theo đúng quy định của nước mình, sử dụng tàu công vụ có treo quốc kỳ của nước mình và có ký dấu hiệu chuyên dụng. Hai Bên thông báo cho nhau mẫu sắc phục, phù hiệu và biển hiệu của nhân viên công vụ có thẩm quyền, các ký dấu hiệu chuyên dụng của tàu công vụ của nước mình.

Điều 13. Khi tiến hành kiểm tra, kiểm soát, nhân viên công vụ của Cơ quan giám sát mỗi bên phải tôn trọng, không làm cản trở hoạt động đánh bắt bình thường của người và tàu cá đã được cấp Giấy phép, tránh kiểm tra và xử phạt trùng lặp.

Khi nhân viên công vụ của Cơ quan

giám sát mỗi bên phát hiện hành vi vi phạm hoặc có căn cứ hợp lý cho rằng tàu cá có dấu hiệu nghi ngờ đánh bắt trái phép hoặc khi cần thiết có thể lên tàu kiểm tra.

Khi lên tàu cá kiểm tra, nhân viên công vụ của Cơ quan giám sát phải lập Biên bản kiểm tra Vùng đánh cá chung (dưới đây gọi tắt là “Biên bản kiểm tra”) theo mẫu quy định tại Phụ lục 5. Biên bản kiểm tra phải khách quan, chân thực, có chữ ký xác nhận của nhân viên công vụ của Cơ quan giám sát và thuyền trưởng tàu cá bị kiểm tra.

Điều 14. Nhân viên công vụ của Cơ quan giám sát mỗi bên khi ở vùng nước bên mình phát hiện thấy ở vùng nước bên kia có tàu cá vi phạm hoặc có dấu hiệu nghi ngờ vi phạm, phải thông báo ngay cho Cơ quan thực thi bên kia bằng các phương tiện thông tin hiện có. Cơ quan thực thi của bên nhận được thông báo phải tiến hành xử lý ngay.

Điều 15. Trong quá trình kiểm tra, kiểm soát, nếu nhân viên công vụ của Cơ quan giám sát mỗi bên phát hiện người và tàu cá vi phạm Quy định này ở vùng nước bên mình trong Vùng đánh cá chung thì phải xử lý theo Quy định này và phải thông báo cho Cơ quan thực thi bên mình biết. Trường hợp hành vi vi

phạm tới mức độ phải xử phạt, cơ quan có quyền xử phạt của mỗi bên căn cứ Điều 20 của Quy định này tiến hành xử phạt và điền vào “Quyết định xử phạt trong Vùng đánh cá chung Vịnh Bắc Bộ”, theo mẫu quy định tại Phụ lục 6.

Điều 16. Nhân viên công vụ của Cơ quan giám sát mỗi bên căn cứ vào luật pháp của nước mình có quyền xử phạt những tàu cá chưa được cấp Giấy phép mà vào đánh bắt trong vùng nước bên mình thuộc Vùng đánh cá chung hoặc tuy được cấp Giấy phép vào Vùng đánh cá chung nhưng có các hoạt động bất hợp pháp ngoài hoạt động đánh bắt.

Điều 17. Khi Cơ quan giám sát hoặc cơ quan có quyền xử phạt của bên này tiến hành xử lý hành vi vi phạm của tàu cá và người của bên kia cần kịp thời báo cho cơ quan thực thi bên mình biết. Cơ quan thực thi bên này phải thông báo cho cơ quan thực thi của bên kia biết Biên bản kiểm tra được nêu tại Điều 13 của Quy định này hoặc nội dung chính tình hình vụ việc vi phạm của Biên bản kiểm tra trong vòng 72 tiếng sau khi vụ việc xảy ra, trường hợp phải tạm giữ tàu cá đưa về bến cảng xử lý phải thông báo trong vòng 48 tiếng; khi đưa ra quyết định xử phạt phải thông báo cho cơ quan thực thi của bên kia biết quyết định xử phạt trong vòng 72 tiếng.

Điều 18. Cơ quan giám sát của hai bên có thể tiến hành kiểm tra liên hợp trong Vùng đánh cá chung, có thể áp dụng phương thức cử nhân viên công vụ sang tàu công vụ của nhau hoặc kiểm tra liên hợp bằng tàu công vụ của cả hai bên. Khi kiểm tra liên hợp, nhân viên công vụ của Cơ quan giám sát mỗi bên đưa ra quyết định xử lý đối với những vụ việc vi phạm tại vùng nước bên mình trong Vùng đánh cá chung. Cơ quan thực thi hai bên nghiên cứu đề xuất phương án kiểm tra liên hợp cụ thể và tổ chức thực hiện sau khi được sự đồng ý của Ủy ban liên hợp nghề cá.

Điều 19. Khi nhân viên công vụ của Cơ quan giám sát hai bên yêu cầu kiểm tra tàu thì mọi người trên tàu phải có trách nhiệm hợp tác, dừng tàu và chịu sự kiểm tra, xuất trình các loại giấy tờ quy định tại Điều 5 của Quy định này, tạo điều kiện thuận lợi và giúp đỡ nhân viên công vụ thực thi nhiệm vụ đồng thời hỗ trợ bảo đảm an toàn thân thể của nhân viên công vụ.

Nhân viên công vụ phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật liên quan và Quy định này, thực thi văn minh công vụ và không được sử dụng vũ lực trừ khi an toàn thân thể của nhân viên công vụ bị đe dọa.

Điều 20. Người và tàu cá được cấp

Giấy phép khi đánh bắt trong Vùng đánh cá chung có hành vi vi phạm Quy định này thì bị xử lý theo các quy định sau đây:

1. Không treo Quốc kỳ theo quy định thì buộc phải treo Quốc kỳ; nếu không mang Quốc kỳ theo quy định thì buộc phải quay về, đồng thời phạt từ 400 nghìn đến 2 triệu đồng Việt Nam hoặc 200 đến 1.000 Nhân dân tệ; nếu cố tình không treo Quốc kỳ thì phạt từ 1 triệu đến 5 triệu đồng Việt Nam hoặc 500 đến 2.500 Nhân dân tệ, đồng thời cưỡng chế tàu ra khỏi Vùng đánh cá chung. Trường hợp tái phạm hoặc cố tình không chịu nộp phạt và treo Quốc kỳ thì lập biên bản và cấm tàu cá đó đánh bắt một tháng trong Vùng đánh cá chung, đồng thời phải kịp thời thông báo cho Cơ quan thực thi hai bên biết để cùng giám sát quản lý; nếu trong thời hạn cấm đánh bắt mà tàu cá đó vẫn vào Vùng đánh cá chung đánh bắt sẽ bị tạm giữ Giấy phép và kịp thời thông báo cho cơ quan thực thi hai bên.

2. Tàu cá có dấu hiệu nhận biết nhưng không đúng theo Quy định này, Cơ quan giám sát sẽ tùy mức độ vi phạm tiến hành đánh dấu Giấy phép và buộc phải rời khỏi Vùng đánh cá chung; tàu cá không có dấu hiệu nhận biết thì ngoài các hình phạt như trên còn bị phạt từ 2

triệu đến 10 triệu đồng Việt Nam hoặc 1.000 đến 5.000 Nhân dân tệ. Nếu tàu cá không chấp hành các hình phạt và tiếp tục tiến hành các hoạt động đánh bắt thì Cơ quan giám sát ngoài việc áp dụng các hình phạt nêu trên còn tạm giữ Giấy phép và thông báo cho cơ quan thực thi hai bên.

3. Tàu cá không đem theo Giấy phép, sẽ bị phạt 50 triệu đồng Việt Nam hoặc 25.000 Nhân dân tệ và buộc phải rời khỏi Vùng đánh cá chung. Nếu tái phạm trong thời gian Giấy phép có hiệu lực sẽ bị phạt 70 triệu đồng Việt Nam hoặc 35.000 Nhân dân tệ và buộc phải rời khỏi Vùng đánh cá chung.

Tàu cá không đem theo Giấy đăng ký tàu, sẽ bị phạt 20 triệu đồng Việt Nam hoặc 10.000 Nhân dân tệ và buộc phải rời khỏi Vùng đánh cá chung.

Tàu cá không ghi Nhật ký đánh bắt sẽ bị phạt 1 triệu đồng Việt Nam hoặc 500 Nhân dân tệ.

Người đi trên tàu không mang theo giấy tờ tùy thân sẽ bị phạt 400 nghìn đồng Việt Nam hoặc 200 Nhân dân tệ; trường hợp tái phạm sẽ bị phạt 800 nghìn đồng Việt Nam hoặc 400 Nhân dân tệ. Bản mẫu giấy tờ tùy thân của thuyền viên được quy định tại khoản này do cơ quan thực thi hai bên thông báo cho

nhau để tạo thuận lợi cho Cơ quan giám sát kiểm tra. Nếu một bên thay đổi mẫu giấy tờ tùy thân của thuyền viên cần kịp thời thông báo cho cơ quan thực thi bên kia.

4. Đánh bắt trái với nghề nghiệp hoặc vi phạm thời gian đánh bắt đã được ghi trong Giấy phép sẽ bị phạt từ 10 triệu đến 60 triệu đồng Việt Nam hoặc từ 5.000 đến 30.000 Nhân dân tệ, đồng thời buộc phải rời khỏi Vùng đánh cá chung. Trường hợp tái phạm thì ngoài mức phạt nêu trên còn bị tịch thu sản phẩm khai thác, ngư cụ, tạm giữ Giấy phép.

Nếu công suất máy chính của tàu cá không phù hợp với đăng ký trong Giấy phép thì đánh dấu Giấy phép, buộc phải rời khỏi Vùng đánh cá chung và thông báo cho Cơ quan thực thi bên kia. Bên kia cần phải tiến hành kiểm tra pháp định lại công suất máy chính của tàu, nếu xác định công suất máy chính của tàu không phù hợp với đăng ký trong Giấy phép phải truy cứu trách nhiệm đối với những cá nhân liên quan theo luật pháp nước mình và thông báo cho Cơ quan thực thi bên kia biết kết quả kiểm tra pháp định, kết quả xử lý; nếu tái phạm sẽ bị phạt từ 30 triệu đến 70 triệu đồng Việt Nam hoặc từ 15.000 đến 35.000 Nhân dân tệ, tịch thu sản phẩm khai thác, ngư cụ, tạm giữ Giấy

phép và buộc phải rời khỏi Vùng đánh cá chung.

5. Vi phạm quy chế tạm ngừng khai thác Vùng đánh cá chung do Ủy ban liên hợp nghề cá quy định sẽ bị phạt từ 10 triệu đến 80 triệu đồng Việt Nam hoặc từ 5.000 đến 40.000 Nhân dân tệ, tạm giữ Giấy phép và buộc phải rời khỏi Vùng đánh cá chung. Trường hợp tái phạm sẽ bị phạt từ 20 triệu đến 150 triệu đồng Việt Nam hoặc từ 10.000 đến 75.000 Nhân dân tệ, tạm giữ Giấy phép, tịch thu sản phẩm khai thác, ngư cụ và buộc phải rời khỏi Vùng đánh cá chung.

6. Sử dụng chất nổ, chất độc, xung điện, các loại ngư cụ và phương thức khai thác đã bị Ủy ban liên hợp nghề cá cấm sử dụng sẽ bị phạt từ 20 triệu đến 100 triệu đồng Việt Nam hoặc từ 10.000 đến 50.000 Nhân dân tệ, tịch thu sản phẩm khai thác, ngư cụ và công cụ dùng để thực hiện các hành vi vi phạm trên, tạm giữ Giấy phép và bị buộc phải rời khỏi Vùng đánh cá chung thuộc phần biển của nước sở tại. Trường hợp tái phạm sẽ bị phạt từ 40 triệu đến 150 triệu đồng Việt Nam hoặc từ 20.000 đến 75.000 Nhân dân tệ, tạm giữ Giấy phép, tịch thu sản phẩm khai thác, ngư cụ, công cụ dùng để thực hiện các hành vi vi phạm trên, buộc phải rời khỏi Vùng đánh cá chung và thuyền trưởng còn có

thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo luật pháp của nước sở tại đồng thời kịp thời thông báo cho Cơ quan thực thi hai bên.

7. Cố ý vi phạm Điều 9 của Quy định này về việc cấm đánh bắt các loài sinh vật hoang dã quý hiếm dưới nước có nguy cơ tuyệt chủng sẽ bị phạt từ 10 triệu đến 30 triệu đồng Việt Nam hoặc từ 5.000 đến 15.000 Nhân dân tệ, tịch thu sinh vật hoang dã quý hiếm dưới nước có nguy cơ tuyệt chủng đã đánh bắt, tạm giữ Giấy phép và buộc phải rời khỏi Vùng đánh cá chung thuộc phần biển của nước sở tại; nếu tái phạm thì ngoài các hình phạt trên sẽ bị tịch thu ngư cụ và thuyền trưởng còn có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo luật pháp của nước sở tại đồng thời kịp thời thông báo cho Cơ quan thực thi hai Bên.

8. Cản trở, chống đối, trốn tránh việc kiểm tra của nhân viên công vụ thuộc Cơ quan giám sát sẽ bị xử phạt nặng theo các hành vi vi phạm cụ thể. Cố ý gây thiệt hại đối với nhân viên công vụ và tàu thuyền của Cơ quan giám sát, người vi phạm phải bồi thường. Người nào làm chết hoặc gây thương tích nặng đối với nhân viên công vụ phải bị truy cứu trách nhiệm theo luật pháp nước sở tại. Trường hợp không chấp hành quyết định xử phạt sẽ bị cưỡng chế chấp hành.

9. Đồng thời có nhiều hành vi vi phạm sẽ bị xử phạt theo từng hành vi nhưng tổng số tiền các hình phạt bằng tiền mặt không vượt quá 150 triệu đồng Việt Nam hoặc 75.000 Nhân dân tệ.

10. Nếu tàu cá vi phạm mà không chịu sự kiểm tra và bỏ chạy, Cơ quan giám sát lập biên bản ghi tên, số hiệu tàu và kịp thời thông báo cho Cơ quan thực thi bên kia. Sau khi kiểm tra xác định đúng hành vi vi phạm, sẽ tịch thu Giấy phép trong Vùng đánh cá chung Vịnh Bắc Bộ năm đó của tàu vi phạm. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng có thể đề nghị Cơ quan thực thi bên kia hủy bỏ tư cách đánh bắt trong Vùng đánh cá chung Vịnh Bắc Bộ của tàu vi phạm từ 1 đến 2 năm. Bên xử lý kịp thời thông báo kết quả xử lý cho bên kia.

Điều 21. Khi việc xử phạt theo các quy định tại Điều 20 không thể thực hiện được tại chỗ, có thể tạm giữ tàu cá đưa về bến cảng xử lý.

Cơ quan giám sát và nhân viên công vụ của hai bên cần phải đối xử nhân đạo đối với thuyền viên của tàu bị tạm giữ, bảo đảm an toàn thiết bị và tài sản trên tàu.

Khi tàu cá và thuyền viên bị tạm giữ có một trong những điều kiện sau thì cần phải được phóng thích nhanh chóng:

1. Đã nộp đủ tiền phạt và bồi thường các tổn thất gây ra theo các quy định liên quan của Điều 20 và nộp các chi phí theo quy định hiện hành về tàu cá và thuyền viên trong thời gian bị tạm giữ.

2. Có đảm bảo thích đáng bằng tiền hoặc các đảm bảo khác được Cơ quan thực thi hai bên chấp nhận. Nội dung và hình thức đảm bảo cụ thể do cơ quan thực thi hai bên thỏa thuận quy định.

Điều 22. Cơ quan thực thi mỗi bên sau khi nhận được thông báo của Cơ quan thực thi bên kia theo quy định tại Điều 17 của Quy định này thì phải tiến hành điều tra đối với tàu cá vi phạm. Đối với trường hợp vụ việc đúng với sự thực, có thể tiến hành xử lý tiếp theo luật pháp, quy định nước mình. Trong trường hợp có nghi vấn về việc xử phạt của bên kia thì có thể yêu cầu Cơ quan thực thi bên kia giải thích.

Trường hợp tổ chức hoặc cá nhân bị xử phạt cho rằng việc xử phạt không thỏa đáng thì có quyền thông qua Cơ quan thực thi phía bên mình để khiếu nại với Cơ quan thực thi phía bên kia hoặc Ủy ban liên hợp nghề cá.

Điều 23. Các Phụ lục kèm theo là bộ phận cấu thành không thể tách rời của Quy định này.

Điều 24. Ủy ban liên hợp nghề cá có thể tiến hành sửa đổi và bổ sung Quy định này và các Phụ lục kèm theo bằng tiếng Việt và tiếng Trung, cả hai văn bản đều có giá trị như nhau./.

Điều 25. Trường hợp hai Bên có bất đồng về cách hiểu Quy định này và các Phụ lục, Ủy ban liên hợp nghề cá sẽ chịu trách nhiệm giải thích.

Điều 26. Quy định này được thi hành kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực.

Quy định này được ký tại Bắc Kinh ngày 29 tháng 4 năm 2004 thành 2 bản

THAY MẶT ỦY BAN LIÊN HỢP

NGHỀ CÁ VIỆT NAM

*Vụ trưởng Vụ Pháp chế
Bộ Thủy sản*

Đinh Xuân Thảo

THAY MẶT ỦY BAN LIÊN HỢP

NGHỀ CÁ TRUNG QUỐC

*Quyền Cục trưởng Cục Nghề cá
Bộ Nông nghiệp*

Lý Kiện Hoa

Phụ lục 1

BỘ THỦY SẢN
CỤC KT&BVNL THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GP-KT

GIẤY PHÉP
ĐÁNH BẮT TRONG VÙNG ĐÁNH CÁ CHUNG VỊNH BẮC BỘ

- Tên, số hiệu tàu:	- Số đánh dấu tàu:	Chỗ để đánh dấu vi phạm
- Quốc tịch tàu:		
- Chủ sở hữu tàu:	- Địa chỉ:	
- Thuyền trưởng:	- Địa chỉ:	
- Số đăng ký:	- Cảng đăng ký:	
- Tổng trọng lượng (tấn):		
- Công suất máy chính (cv):	tương đương.....kw	
- Nghề khai thác:		

Giấy phép này có giá trị đến ngày..... tháng..... năm 20.....

Ngày..... tháng..... năm 20.....

Người cấp giấy phép

(Ký và đóng dấu)

Dán tem

Nếu thay đổi thuyền trưởng, sẽ do cơ quan cấp phép xác nhận riêng.

Chú thích: bản mẫu chính thức của Giấy phép sẽ do Cơ quan thực thi hai bên thông báo cho nhau để lưu hồ sơ.

Phụ lục 1

NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA GIẤY PHÉP ĐÁNH BẮT TRONG VÙNG ĐÁNH CÁ CHUNG VỊNH BẮC BỘ			
Số giấy phép:			
- Tên, số hiệu tàu:	- Số đánh dấu nhận biết tàu:	Chỗ dùng đánh dấu vi phạm 096/3341	www.ThuVienPhapLuat.com Tel: +84-8-3845 6684 *
- Quốc tịch tàu:	- Địa chỉ:		
- Chủ sở hữu tàu:	- Địa chỉ:		
- Thuyền trưởng:	- Cảng đăng ký:		
- Số đăng ký:			
- Tổng trọng lượng (tấn):			
- Công suất máy chính (KW):.....	tương đương.....CV		
- Nghề khai thác:			

Giấy phép này có giá trị đến ngày..... tháng..... năm 20.....

Ngày..... tháng..... năm 20.....

Người cấp giấy phép

(Ký và đóng dấu của cơ quan thực thi)

Dán tem

Nếu thay đổi thuyền trưởng, sẽ do cơ quan cấp phép xác nhận riêng.

Chú thích: bản mẫu chính thức của Giấy phép sẽ do Cơ quan thực thi hai bên thông báo cho nhau để lưu hồ sơ.

Phụ lục 2**DẤU HIỆU NHẬN BIẾT TÀU CÁ HOẠT ĐỘNG TRONG
VÙNG ĐÁNH CÁ CHUNG VỊNH BẮC BỘ**

Biển dấu hiệu nhận biết cần phải được gắn cố định (hàn hoặc bắt vít kẹp chì) ở vị trí dễ quan sát hai bên thành khoang lái.

Dấu hiệu nhận biết gồm có ký tự "C" dùng cho tàu Trung Quốc, ký tự "V" dùng cho tàu Việt Nam và 4 số Ả rập khớp với số ghi trong Sổ danh sách tàu cá mà Cơ quan thực thi hai bên trao đổi cho nhau.

Biển dấu hiệu nhận biết là hình chữ nhật, kích cỡ 90 cm x 30 cm làm bằng chất liệu kim loại có độ cứng cao, chống ăn mòn, không biến dạng.

Độ cao của mỗi chữ và số không thấp hơn 18 cm, chiều ngang không nhỏ hơn 10 cm, khoảng cách giữa các chữ, số không nhỏ hơn 3 cm, độ rộng nét chữ, số không nhỏ hơn 2.5 cm.

Nền của Biển dấu hiệu nhận biết là màu trắng, chữ, số màu đen. Màu sắc của nền và chữ, số phải sơn phản quang để dễ nhận biết trong đêm.

Phụ lục 3

NHẬT KÝ ĐÁNH BẮT TRONG VÙNG ĐÁNH CÁ CHUNG VỊNH BẮC BỘ

Tên, số hiệu tàu:

Nghề nghiệp khai thác.....

Số Giấy phép đánh bắt:

09673341

HƯỚNG DẪN GHI NHẬT KÝ

1. Nhật ký đánh bắt được ghi mỗi ngày 1 trang, cần phải ghi một cách chính xác, trung thực.
2. Đơn vị sản lượng tính bằng Kg.
3. Nghề nghiệp khai thác gồm có: lưới kéo, lưới vây, lưới rê, câu, lồng và các loại khác.
4. Cần chú ý bảo quản nhật ký và nộp lên cơ quan quản lý đúng thời gian quy định.

Phụ lục 4

**GIẤY XÁC NHẬN SỰ CỐ
TRONG VÙNG ĐÁNH CÁ CHUNG VỊNH BẮC BỘ**

Thời gian xảy ra sự cố giờ.... phút, ngày..... tháng..... năm.....	Địa điểm xảy ra sự cố	Vĩ độ Bắc: độ..... phút..... giây Kinh độ Đông: độ..... phút..... giây		
Tên, số hiệu tàu Trung Quốc		Tên, số hiệu tàu Việt Nam			
Số đánh dấu tàu		Số đánh dấu tàu			
Ý kiến của thuyền trưởng Trung Quốc về sự cố	Ý kiến của thuyền trưởng Việt Nam về sự cố				
Trách nhiệm đối với sự cố (đánh dấu dấu "V" vào chỗ phù hợp)	1. Hoàn toàn là trách nhiệm của tàu cá Trung Quốc				
	2. Hoàn toàn là trách nhiệm của tàu cá Việt Nam.				
	3. Mỗi bên có trách nhiệm một nửa.				
	4. Tàu cá Trung Quốc chịu trách nhiệm chính.				
	5. Tàu cá Việt Nam chịu trách nhiệm chính.				
	6. Trách nhiệm không rõ ràng				
Thiệt hại của tàu cá Trung Quốc	Tình trạng thiệt hại		Thiệt hại của tàu cá Việt Nam	Tình trạng thiệt hại	
	Trị giá	NDT:..... đồng		Trị giá	VNĐ:..... đồng
Thuyền trưởng Trung Quốc ký tên			Thuyền trưởng Việt Nam ký tên		

09673341

NHẬT KÝ ĐÁNH BẮT TRONG VÙNG ĐÁNH CÁ CHUNG VỊNH BẮC BỘ

Ngày..... tháng..... năm.....

Số thứ tự	Thời điểm thả lưới	Vị trí tàu khi thả lưới (Vĩ độ Bắc, Kinh độ Đông)	Thời điểm thu lưới	Vị trí tàu khi thu lưới (Vĩ độ Bắc, Kinh độ Đông)	Sản lượng (kg)	Sản lượng các loại hải sản đánh bắt chủ yếu (kg)														
1																				
2																				
3																				
4																				
5																				
Tổng sản lượng																				

Chữ ký của thuyền trưởng

Phụ lục 5

**BIÊN BẢN KIỂM TRA TÀU CÁ TRONG VÙNG
ĐÁNH CÁ CHUNG VỊNH BẮC BỘ**

Số:.....

Tên cơ quan kiểm tra		Nhân viên kiểm tra - Họ tên - Cấp bậc: - Chức vụ:	Tên, số hiệu tàu công vụ	
Thời gian kiểm tra giờ.... phút, ngày..... tháng..... năm.....	Địa điểm kiểm tra	Vĩ độ Bắc: độ..... phút..... giây Kinh độ Đông: độ..... phút..... giây	
Tên, số hiệu tàu bị kiểm tra		Tên thuyền trưởng		
Nguyên nhân kiểm tra	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tên và số hiệu tàu không phù hợp với đăng ký. 2. Không có dấu hiệu nhận biết hoặc có nhưng không đúng với quy định. 3. Có dấu hiệu hoạt động nghề cá trái phép. 4. Kiểm tra bình thường. (Chú thích: đánh dấu “V” vào nguyên nhân kiểm tra).			
Kết quả kiểm tra (đánh dấu “V” vào hành vi vi phạm).	<ol style="list-style-type: none"> 1. Không treo Quốc kỳ. 2. Không có dấu hiệu nhận biết hoặc có nhưng không đúng quy định 3. - Không có Giấy phép đánh bắt... - Không có Giấy đăng ký tàu... - Không có Giấy tờ tùy thân... - Không ghi nhật ký đánh bắt... 4. - Nghề đánh bắt không phù hợp với Giấy phép đánh bắt... - Công suất máy chính không đúng ghi trong Giấy phép... 5. Vi phạm quy định tạm ngừng khai thác... 6. Sử dụng chất độc, thuốc nổ, xung điện đánh cá. Có ... kg thuốc nổ, ... chiếc ngòi nổ, ... gram thuốc độc, ... m dây điện,... chiếc máy xung điện. 7. Đánh bắt sinh vật quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng. 8. Cản trở, chống đối, trốn tránh việc kiểm tra:... 9. Tàu cá không chịu sự kiểm tra, bỏ chạy... 			
Nhân viên kiểm tra ký tên		Thuyền trưởng tàu bị kiểm tra ký tên		

09673341

Phụ lục 6

TÊN CƠ QUAN XỬ PHẠT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....QĐ/XP

....., ngày..... tháng..... năm 200...

đóng dấu

QUYẾT ĐỊNH**XỬ PHẠT VI PHẠM TRONG VÙNG ĐÁNH CÁ CHUNG VỊNH BẮC BỘ**

Căn cứ Biên bản kiểm tra số ... ngày ... tháng ... năm và khoản ... Điều 20 Quy định về bảo tồn và quản lý nguồn lợi thủy sản Vùng đánh cá chung Vịnh Bắc Bộ;

Nhân viên xử phạt.....cấp bậc.....chức vụ

Tên, số hiệu tàu kiểm tra

QUYẾT ĐỊNH**Điều 1. Xử phạt đối với:**

Thuyền trưởng:..... Quốc tịch.....

Tên, số hiệu tàu bị phạt.....

Thời gian vi phạm..... phút..... giờ..... ngày..... tháng..... năm

Vị trí vi phạm..... vĩ độ Bắc..... kinh độ Đông

Hình thức xử phạt:

1. Buộc rời khỏi vùng đánh cá chung.
2. Tịch thu sản phẩm đánh bắt..... kg.
3. Tịch thu lưới, ngư cụ..... chiếc, tấm,..... mét, lồng..... cái.
4. Tịch thu.....kg thuốc nổ, chiếc ngòi nổ, gram thuốc độc, m dây điện, chiếc máy xung điện..
5. Phạt tiền:..... Nhân dân tệ hoặc Việt Nam đồng.
6. Tạm giữ giấy phép đánh bắt số:

7. Cấm đánh bắt 1 tháng.
8. Giao cho các cơ quan chủ quản khác của nước mình xử lý.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thuyền trưởng ký tên

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

Ghi chú: - Quyết định xử phạt này được làm thành 3 bản, 1 bản do cơ quan quyết định xử phạt giữ, 1 bản giao cho người bị xử phạt, 1 bản giao cho cơ quan thực thi bên mình.

- Bản mẫu chính thức của Quyết định xử phạt sẽ do cơ quan thực thi hành bên thông báo cho nhau để lưu hồ sơ.